

Số: 27/QĐ-HN&GDTX

Quảng Ninh, ngày 05 tháng 02 năm 2025.

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai dự toán ngân sách năm 2025 của Trung tâm Hướng nghiệp và giáo dục thường xuyên tỉnh năm 2025

### GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM HN&GDTX TỈNH

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 33/2020/QĐ-UBND ngày 08/10/2020 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Ninh về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Ninh; Quyết định số 17/2021/QĐ-UBND ngày 05/02/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 33/2020/QĐ-UBND;

Căn cứ Quyết định số 3569/QĐ-UBND ngày 09/12/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương năm 2025;

Quyết định số 130/QĐ-SGDĐT ngày 09/01/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025 cho các đơn vị sử dụng ngân sách thuộc và trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo

Theo đề nghị của phòng Tổ chức hành chính.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách nhà nước cấp chi thường xuyên của Trung tâm Hướng nghiệp và giáo dục thường xuyên năm 2025 (Theo biểu đính kèm).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Các ông (bà): Trưởng phòng chuyên môn, Trưởng phòng tổ chức hành chính và các ông bà có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Trang Website Trung tâm;
- Lưu: VT, KT.

**GIÁM ĐỐC**



**Nguyễn Thị Tiến Lộc**

Đơn vị: Trung tâm HN&GDTX tỉnh

Chương: 422

**DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025**

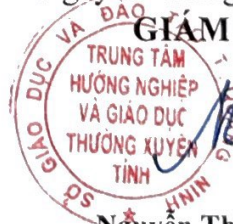
(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Dvt: Triệu đồng

| Số TT      | Nội dung                                           | Dự toán được giao theo QĐ số 130/QĐ-SGD&ĐT ngày 09/01/2025 |
|------------|----------------------------------------------------|------------------------------------------------------------|
| 1          | 2                                                  | 3                                                          |
| <b>A</b>   | <b>Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí</b> |                                                            |
| <b>I</b>   | <b>Số thu phí, lệ phí</b>                          | -                                                          |
| 1          | Lệ phí                                             |                                                            |
| 2          | Học phí                                            | -                                                          |
| <b>II</b>  | <b>Chi từ nguồn thu phí được để lại</b>            |                                                            |
| <b>1</b>   | <b>Chi sự nghiệp Giáo dục đào tạo</b>              |                                                            |
| a          | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                     | -                                                          |
| b          | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên               |                                                            |
| <b>2</b>   | <b>Chi quản lý hành chính</b>                      |                                                            |
| a          | Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ                   |                                                            |
| b          | Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ             |                                                            |
| <b>III</b> | <b>Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước</b>       | 0,00                                                       |
| <b>1</b>   | <b>Lệ phí</b>                                      |                                                            |
| 2          | Phí                                                |                                                            |
|            | Học phí                                            |                                                            |
| <b>B</b>   | <b>Dự toán chi ngân sách nhà nước</b>              | 8.119                                                      |
| <b>I</b>   | <b>Nguồn ngân sách trong nước</b>                  |                                                            |
| <b>1</b>   | <b>Chi quản lý hành chính</b>                      |                                                            |
| 1.1        | Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ                   |                                                            |
| 1.2        | Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ             |                                                            |
| <b>2</b>   | <b>Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ</b>         |                                                            |
| 2.1        | Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ     |                                                            |
|            | - Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia         |                                                            |
|            | - Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ               |                                                            |
|            | - Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở            |                                                            |
| 2.2        | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng      |                                                            |
| 2.3        | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên               |                                                            |
| <b>3</b>   | <b>Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề</b> | 8.119                                                      |
| 3.1        | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                     | 6.632                                                      |
| 3.2        | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên               | 1.173                                                      |
| 3.3        | Kinh phí khen thưởng                               | 314                                                        |
| <b>III</b> | <b>Nguồn vay nợ nước ngoài</b>                     |                                                            |

Ngày 04 tháng 02 năm 2025

**GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Thị Tiến Lộc



Quảng Ninh, ngày 09 tháng 01 năm 2025

THUYẾT MINH CHI TIẾT PHẦN KINH PHÍ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ CHI  
ĐƯỢC CẤP CÓ THẨM QUYỀN GIAO NĂM 2025  
(PL3 kèm theo mẫu C06-03/NS)

Nội dung phân bổ: Dự toán kinh phí chi thường xuyên ngân sách tỉnh năm 2025.

| STT | NỘI DUNG                                                                                                                                                                                               | Số tiền       |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|
| 1   | Kinh phí thực hiện tự chủ                                                                                                                                                                              | 6.632.000.000 |
| 1.1 | Kinh phí chi lương, các khoản theo lương theo quy định, chi khác đảm bảo hoạt động của các đơn vị trực thuộc sở.                                                                                       | 6.632.000.000 |
| 2   | Kinh phí không thực hiện tự chủ                                                                                                                                                                        | 1.487.000.000 |
| 2.1 | Cấp bù miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ học phí, chế độ học sinh bán trú                                                                                                              | 24.000.000    |
| 2.2 | Đào tạo, bồi dưỡng hè, bổ sung sách thư viện, vận hành trang thiết bị thông minh, tổ chức các kỳ thi và các khoản kinh phí phục vụ các hoạt động chung của nhà trường (bổ sung 15% kinh phí hoạt động) | 156.000.000   |
| -   | Bảo vệ trường                                                                                                                                                                                          | 133.000.000   |
| -   | Vệ sinh chung                                                                                                                                                                                          | 23.000.000    |
| 2.3 | Sửa chữa, bảo trì thường xuyên tài sản, cơ sở vật chất, mua sắm bổ sung, thay thế trang thiết bị phục vụ dạy và học cho trường, lớp học.                                                               | 250.000.000   |
| -   | Sửa chữa kính cửa, nền nhà khu văn phòng, phòng học                                                                                                                                                    | 250.000.000   |
| 2.4 | Mua sắm trang thiết bị theo chương trình giáo dục phổ thông mới                                                                                                                                        | 652.000.000   |
| 2.5 | Kinh phí thực hiện hợp đồng lao động theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ                                                                                                       |               |
| 2.6 | Quỹ tiền thưởng theo Nghị định 73/2024/NĐ-CP                                                                                                                                                           | 314.000.000   |
| 2.7 | Hỗ trợ học phí học kỳ II - Năm học: 2024-2025 theo quy định Nghị quyết số 42/2024/NQ-HĐND ngày 23/09/2024 của HĐND tỉnh.                                                                               | 91.000.000    |
|     | Tổng cộng                                                                                                                                                                                              | 8.119.000.000 |

(Tổng số tiền bằng chữ: Tám tỷ một trăm mười chín triệu đồng chẵn)

TRUNG TÂM HN & GDTX TỈNH

KẾ TOÁN



Nguyễn Thị Vinh

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ



Nguyễn Thị Tiên Lộc